

Bản án số: 84/2024/KDTM-ST

Ngày: 24/9/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng kinh tế

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Sơn; Ông Vương Đình Quang.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dung – Cán bộ Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Tống Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 26/2024/TLST- KDTM ngày 02/4/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng kinh tế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2024/QĐXXST-KDTM ngày 20/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2024/QĐST-HPT ngày 04/9/2024:

- Nguyên đơn: Công ty CP T1. Địa chỉ: Lô C, KCN Y, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C – Chủ tịch HĐQT. Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H – Theo Giấy ủy quyền số 1112.01/2023/GUQ-CH ngày 11/12/2023 (bà H có mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH X. Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà M, số F N, KĐT M, phường C, quận N, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: ông Chung Mun S (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2023 và lời khai tại Tòa án, Nguyên đơn trình bày:**

Công ty Cổ phần T1 (Tên gọi cũ là Công ty TNHH T1) (Gọi tắt là “Công ty T1”) và Công ty TNHH X1-Chi nhánh B có quan hệ hợp tác và ký kết hợp đồng số 23052018-LOGIS/CH01 ngày 23/5/2018, cụ thể, Công ty T1 thực hiện việc thi công hạng mục xây dựng bao gồm vật tư (ngoại trừ bê tông tươi, sắt thép xây dựng do Bên A cung cấp), nhân công, máy móc, thiết bị thi công, bao gồm các hạng mục tạm thời như đường tạm, nhà văn phòng tạm, hàng rào tạm và công tác xin phép, đấu nối với khu công nghiệp...v.v tại Nhà máy L tại Lô C và Lô C, khu công nghiệp Y mở rộng, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Theo đúng thỏa thuận và các nội dung đã được thống nhất trong Hợp đồng số 23052018-LOGIS/CH01 ngày 23/5/2018, Công ty T1 đã hoàn thành phạm vi công việc nêu tại Điều 1 Hợp đồng, bàn giao đầy đủ hồ sơ thanh toán, giấy tờ liên quan, hóa đơn chứng từ cho Công ty TNHH X1-Chi nhánh B và Công ty TNHH X1-Chi nhánh B không có khiếu nại gì về chất lượng sản phẩm theo Hợp đồng đã ký kết. Như vậy Công ty T1 đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo đúng quy định, ngược lại Công ty TNHH X1-Chi nhánh B chưa thực hiện đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T1 theo đúng cam kết và Hợp đồng hợp tác giữa hai bên.

Tổng Giá trị Hợp đồng là 23.108.689.407 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ một trăm linh tám triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm linh bảy đồng). Thuế Giá trị gia tăng (10%) là 2.310.868.941 VNĐ (Bằng chữ: Hai tỷ ba trăm mười triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi một đồng). Tổng số tiền Công ty X1 phải thanh toán cho Công ty T1 là 25.419.558.348 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ bốn trăm mười chín triệu năm trăm năm mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng).

Tuy nhiên, Công ty X1 mới thanh toán được cho Công ty T1 số tiền là 22.788.502.513 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu năm trăm linh hai nghìn năm trăm mười ba đồng). Cụ thể:

STT	Ngày thanh toán	Số tiền thanh toán
1	3/7/2018	4.740.000.000
2	31/7/2018	4.193.152.455
3	5/9/2018	2.368.097.790
4	5/10/2018	1.358.407.325
5	2/11/2018	1.559.074.656
6	7/12/2018	3.571.542.580

7	7/1/2019	1.736.066.467
8	1/4/2019	3.262.161.240

Ngày 31/12/2019, Công ty T1 và Công ty TNHH X1-Chi nhánh B đã có thư xác nhận công nợ, theo đó, Công ty TNHH X1-Chi nhánh B còn nợ Công ty T1 số tiền: **2.631.055.835 VNĐ (Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm ba mươi một triệu không trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng).**

Tuy nhiên, cho đến nay Công ty TNHH X1-Chi nhánh B không có bất cứ phản hồi và không thiện chí tham gia giải quyết khoản phí này.

Vì lý do trên, chúng tôi khởi kiện Công ty TNHH X1 tới Tòa án nhân dân Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, kính mong, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu và buộc Công ty X1 thanh toán nợ cho công ty C1, cụ thể: Số tiền **2.631.055.835 VNĐ (Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm ba mươi một triệu không trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng).**

Công ty TNHH X vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai tại Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 24/9/2024 cụ thể: Số tiền nợ gốc: 2.631.055.835 đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến tại tòa.

Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến:

1.1. Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi khụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán về cơ bản đã chấp hành các quy định tại Điều 48, 198 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thụ lý vụ án: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng thẩm quyền giải quyết và đã xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự.

- Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự.

- Về thẩm quyền thụ lý: Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ quận N nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm theo quy định tại Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và thời hạn chuẩn bị xét xử:

- Về thu thập chứng cứ: Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh nơi cư trú của công ty TNHH X và người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH X theo quy định tại Điều 97 BLTTDS.

- Về tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 205, 208-211 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, về chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát:

Thẩm phán đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, về việc khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát về cơ bản là đúng thời hạn, đúng quy định từ Điều 170-179 và khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

1.2 Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 68, 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 481 Bộ luật dân sự, Điều 401, 306 Luật thương mại: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc: 2.631.055.835 đồng.

Về án phí: Hoàn trả số tiền nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng kinh tế*”, bị đơn trong vụ án là Công ty TNHH X có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại Tầng A, tòa nhà M, số F N, KĐT M, phường C, quận N, Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2024/QĐ-XXST ngày 20/8/2024 và tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tài liệu, chứng cứ:

Theo các tài liệu nguyên đơn cung cấp thể hiện: Công ty CP T1 và Công ty TNHH X ký kết Hợp đồng số 23052018-LOGIS/CH01 ngày 23/5/2018, cụ thể, Công ty T1 thực hiện việc thi công hạng mục xây dựng bao gồm vật tư (ngoại trừ bê tông tươi, sắt thép xây dựng do Bên A cung cấp), nhân công, máy móc, thiết bị thi công, bao gồm các hạng mục tạm thời như đường tạm, nhà văn phòng tạm, hàng rào tạm và công tác xin phép, đấu nối với khu công nghiệp...v.v tại Nhà máy L tại Lô C và Lô C, khu công nghiệp Y mở rộng, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.: thể hiện cụ thể các điều khoản trong hợp đồng cụ thể rõ ràng. Hợp đồng đã được lập thành văn bản, mục đích và nội dung thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức, có hình thức và nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 19/7/2024 và 23/7/2024. Tại phiên họp bên đương sự có mặt không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ khác ngoài tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án. Do đó xác định những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã không thực hiện đúng thỏa thuận như các bên đã cam kết về nghĩa vụ thanh toán. Do vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền tính đến ngày 24/9/2024 cụ thể: Công ty TNHH X phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T1 số tiền gốc là 2.631.055.835 đồng là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 30; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 274; Điều 275; Điều 276; Điều 385; Điều 398; Điều 401 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T1 về việc yêu cầu Công ty TNHH X về việc “Tranh chấp Hợp đồng kinh tế”.

Buộc Công ty TNHH X thanh toán cho Công ty Cổ phần T1 số tiền: 2.631.055.835 đồng theo Hợp đồng số 23052018-LOGIS/CH01 ngày 23/5/2018.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án dân sự của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Công ty TNHH X phải chịu 84.621.000 đồng (*T mười bốn triệu sáu trăm hai mươi một nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần T1 số tiền 42.310.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BLTU/23 0009511 ngày 02/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS Q.NamTùng Liêm;
- Lưu HS - VP.

Phan Thị Kim Thanh